

CÔNG TÁC NCKH NĂM HỌC 1999-2000 VÀ PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ TRONG NĂM HỌC 2000-2001 CỦA TRƯỜNG ĐHNN - ĐHQGHN

PGS TS TRẦN HỮU LUYỄN
Pho Hiệu trưởng

Trong năm học 1999-2000 trường ĐHNN-ĐHQG Hà Nội đã thực hiện Nghị quyết Đảng bộ lần thứ XIII của nhà trường về công tác NCKH một cách có kế hoạch và có hiệu quả. Có đủ cơ sở nhận định rằng các hoạt động quản lý NCKH và các công trình NCKH đã được nâng lên một bước mới về chất. Đây là một kết quả đáng mừng, một thành tích rất cần được khích lệ. Tuy nhiên, bên cạnh những thành tích đã đạt được vẫn có một số tồn tại cần khắc phục. Song những thành tích đã đạt được là nổi bật. Dưới đây xin trình bày những nét chính về công tác NCKH năm học 1999-2000 và phương hướng, nhiệm vụ trong năm học 2000-2001 của trường ĐHNN-ĐHQGHN.

1. Công tác NCKH năm học 1999-2000

1.1. Những thuận lợi cơ bản trong công tác NCKH

1.1.1. Đảng uỷ, Ban giám hiệu và toàn thể CBGD, CBNC nhận thức sâu sắc về tầm quan trọng và vị trí của công tác NCKH trong nhà trường đại học. Mỗi CBGD, CBNC của trường hiểu rõ NCKH là một nhiệm vụ chính trị bắt buộc và quan trọng trong công tác của mình.

1.1.2. Sự chỉ đạo trong công tác quản lý NCKH của nhà trường thể hiện tính thống nhất cao. Trên cơ sở Nghị quyết lãnh đạo công tác NCKH của Đảng uỷ và các chi bộ, ngay từ cuối năm học 1998-1999 BGH và các đơn vị đào tạo, nghiên cứu đã xây dựng kế hoạch NCKH cho năm học 1999-2000 và trong việc triển khai kế hoạch NCKH đã áp dụng nhiều biện pháp quản lý có hiệu quả.

1.1.3. Nhà trường đã kịp thời điều chỉnh, sửa đổi một số văn bản có tính pháp qui của nhà trường để cụ thể hoá hơn nữa nhiệm vụ NCKH của cán bộ giảng dạy và cán bộ nghiên cứu nhằm kịp thời tạo mọi điều kiện thuận lợi có thể khuyến khích, động viên các cán bộ thực hiện NCKH có kết quả tốt.

1.1.4. Tiếp tục gắn kết chặt chẽ NCKH với công tác đào tạo, đặc biệt là đào tạo sau đại học. Phát huy kinh nghiệm của năm học trước, trong năm học này nhiều luận văn, luận án của của học viên cao học và nghiên cứu sinh đã được phát triển trên cơ sở đề tài NCKH cấp Trường, cấp ĐHQG do trường quản lý. Nhiều niên luận, khoá luận tốt nghiệp của sinh viên cũng đồng thời là những công trình NCKH SV được giải cấp Khoa, cấp Trường, cấp Bộ.

1.2. Những khó khăn chủ yếu

1.2.1. Vấn đề trình độ đội ngũ cán bộ khoa học vẫn là 1 vấn đề bức xúc, chưa thể giải quyết trong ngày một ngày hai. Trong năm học 1999-2000, số CBGD có trình độ thạc sĩ tăng 7,5% và số CBGD có trình độ cử nhân giảm được 4,4%, nhưng số cán bộ có học hàm GS, PGS và tiến sĩ khoa học và tiến sĩ chuyên ngành vẫn giữ nguyên tỉ lệ so với tổng số CBGD và NC, nếu không muốn nói một cách chính xác là có giảm (so với tổng số). Chúng ta hãy so sánh bằng sau:

Năm học 1998-1999

Năm học 1999-2000

TS CBGD: 382, trong đó					TS CBGD: 441, trong đó				
GS	PGS	TSKH TSCN	Thạc sĩ và tương đương	Cử nhân	GS	PGS	TSKH TSCN	Thạc sĩ và tương đương	Cử nhân
0	5 (1,3%)	23 (6,8%)	97 (24%)	254 (66%)	0	5 (1,1%)	30 (6,8%)	139 (31,5%)	279 (61,6%)

Như vậy, nâng cao trình độ và bồi dưỡng đội ngũ cán bộ chuyên môn đầu ngành là một trong những vấn đề hết sức cấp bách trong giai đoạn hiện nay, khi mà trường ĐHNN-ĐHQGHN đang phấn đấu trở thành trường đầu ngành về đào tạo cán bộ ngoại ngữ trong cả nước để có thể nhanh chóng hoà nhập vào hệ thống giáo dục đại học khu vực và thế giới. Nói một cách cụ thể hơn trong phạm vi nhà trường, đội ngũ cán bộ khoa học chủ chốt có thể đảm đương các nhiệm vụ NCKH theo chương trình NCKH mà nhà trường đã đề ra là rất mong, do đó việc đề xuất và chủ trì các đề tài cấp ĐHQG, các đề tài đặc biệt và trọng điểm gặp nhiều khó khăn.

1.2.2. Kinh phí ngân sách nhà nước cấp cho hoạt động NC khoa học tuy có tăng so với năm học trước, nhưng so với nhu cầu hoạt động thì vẫn chỉ đáp ứng được khoảng 1/3 tổng số kinh phí cần có. Năm học 1999-2000 kinh phí NCKH của trường được ĐHQG Hà Nội cấp với tổng số là 250 triệu đồng, trong đó có 140 triệu cấp cho 13 đề tài cấp ĐHQG do trường quản lý, chỉ còn 110 triệu cho các hoạt động còn lại như hội nghị, hội thảo các cấp (tổ bộ môn, khoa, trường, quốc gia), các đề tài khoa học cấp trường, khoa và hoạt động NCKH SV. Do vậy, nhà trường đã phải hỗ trợ thêm một khoản kinh phí lớn cho công tác NCKH cấp trường. Chỉ tính riêng đề tài NCKH cấp Trường và cấp Khoa đã được hỗ trợ 200 triệu, chưa kể kinh phí cho hội thảo, hội nghị các cấp, NCKH SV các cấp, công tác thông tin tư liệu v.v...

1.2.3. Một trong những điểm khó khăn nổi bật của nhà trường là đội ngũ cán bộ khoa học có trình độ cao thường vừa phải đảm đương các công việc quản lý và chuyên môn, vừa phải chủ trì các đề tài cấp trường và trên trường, do vậy tiến độ thực hiện các công trình NCKH cũng bị ảnh hưởng không nhỏ. Đây cũng là một khó khăn cần tháo gỡ dần từng bước một.

1.3. Những thành tích nổi bật về NCKH năm học 1999-2000

1.3.1. Về đề tài NCKH các cấp

Trong năm học 1999-2000 nhà trường đã bắt đầu chú trọng đầu tư kinh phí vào các đề tài cấp trường và trên trường để từ đó có thể có những đề tài cao hơn nữa như đề tài đặc biệt và trọng điểm. Những đề tài cấp ĐHQG có khả năng phát triển xa hơn thì được ưu tiên động nguồn lực tự có để đầu tư gấp đôi kinh phí cho các đề tài cấp trường nhằm nâng cao một bước về chất lượng và để từ đó đề xuất, chọn lọc những đề tài cấp ĐHQG. Cách chỉ đạo quản lý như vậy của nhà trường đã được anh chị em CBGD đồng tình ủng hộ. Sau đây là những con số cụ thể về đề tài NCKH các cấp trong năm học:

- 01 đề tài đặc biệt cấp ĐHQG (giảm 1 đề tài so với năm học trước).
- 13 đề tài cấp ĐHQG do trường quản lý (tăng 2 đề tài).
- 38 đề tài cấp Trường (giảm 9 đề tài).
- 91 đề tài cấp Khoa (giảm 7 đề tài).

Nhà trường đang làm thủ tục nghiệm thu 6 đề tài cấp ĐHQG do trường quản lý, đã tiến hành nghiệm thu được 12 đề tài cấp Trường của năm học trước, nâng tổng số đề tài cấp

trường được nghiêm thu của năm học trước lên 25/47 với 22 đề tài đạt loại tốt (trong đó có 3 đề tài cấp ĐHQG) và 3 đề tài đạt loại khá.

1.3.2. Về hội thảo, hội nghị NCKH

Năm học 1999-2000 nhà trường đã tổ chức và tham gia 49 hội thảo và hội nghị NCKH các cấp, cụ thể:

- 5 hội nghị NCKH sinh viên cấp Khoa, Trường có 178 báo cáo.
- 24 hội nghị NCKH tổ bộ môn, có 180 báo cáo;
- 10 hội nghị NCKH cán bộ cấp khoa, có 96 báo cáo.
- 4 hội nghị NCKH cấp Trường (1. Hội thảo "Đào tạo học sinh PT chuyên ngoại ngữ - những vấn đề lý luận và thực tiễn" với 12 báo cáo; 2. Hội nghị 10 năm đào tạo cử nhân ngoại ngữ hệ cử tuyển với 12 báo cáo; 3. Hội thảo Chuyên đề xây dựng chuẩn đánh giá các kỹ năng thực hành tiếng giai đoạn 1 hệ chính qui với 3 báo cáo; 4. Hội nghị khoa học trường có 57 báo cáo về chuyên đề KT-ĐG).

- 6 hội nghị, hội thảo khoa học cấp quốc gia (1. Hội thảo quốc gia "Thành tố văn hoá trong dạy-học ngoại ngữ" với 86 báo cáo của cán bộ khoa học các viện nghiên cứu, các trường đại học của cả nước, trong đó có 42 báo cáo tham gia hội thảo của CBGD và CBNC nhà trường; 2. Hội thảo Ngữ học trẻ toàn quốc lần thứ 5 với tổng số báo cáo là 98, trong đó có 04 báo cáo của cán bộ nhà trường; 3. Hội thảo quốc gia của các trường đại học sư phạm trong cả nước "Hồ Chí Minh với sự nghiệp giáo dục đào tạo" nhân dịp kỷ niệm 110 ngày sinh của chủ tịch Hồ Chí Minh với 105 báo cáo, trong đó có 12 báo cáo của cán bộ nhà trường; 4. Hội thảo cán bộ khoa học trẻ do ĐHQG Hà Nội tổ chức, cán bộ, NCS, HV cao học của nhà trường có 10 báo cáo tham gia; 5. Hội thảo nâng cao chất lượng đào tạo do ĐHQGHN tổ chức, trường ta có 7 báo cáo tham gia; 6. Hội nghị NCKH của sinh viên các trường ĐHSP trong cả nước, trường ta có 08 báo cáo tham gia.)

1.3.3. Về công tác NCKH với công tác đào tạo

Phát huy thành tích của năm học trước, trong năm học 1999-2000 các đơn vị đào tạo trong trường tiếp tục triển khai các đề tài NCKH thuộc môn học thông qua các hình thức niên luận, khoá luận và luận văn, luận án tốt nghiệp. Trong năm học này nhà trường đã chú trọng đầu tư kinh phí cho những đề tài cấp Trường, cấp ĐHQG do trường quản lý có gắn một phần nội dung trong đề tài luận văn thạc sĩ, luận án tiến sĩ nhằm mục đích tạo mọi điều kiện có thể có để động viên anh chị em CBGD nâng cao trình độ trong tiến trình chuẩn hoá đội ngũ cán bộ. Chủ trương đúng đắn này được các đơn vị đào tạo nhiệt liệt ủng hộ. Cụ thể là:

- Trong 13 đề tài cấp ĐHQG có 6 đề tài gắn với đề tài luận án Tiến sĩ của anh chị em CBGD của trường.

- Trong 38 đề tài cấp Trường có 8 đề tài gắn kết với đề tài luận văn Thạc sĩ.

- 58 đề tài luận văn Thạc sĩ được bảo vệ trong năm học 1999-2000 và 11 đề tài luận văn Tiến sĩ do nhà trường đào tạo đều nằm trong nội dung chương trình NCKH của trường.

1.3.4. Về công tác NCKH sinh viên

Trong năm học 1999-2000, phòng NCKH đã kết hợp chặt chẽ với các đơn vị đào tạo, Đoàn TN, Hội sinh viên, phòng Đào tạo động viên sinh viên tham gia NCKH dưới nhiều hình thức khác nhau. Trong năm học này, sinh viên toàn trường đã tham gia NCKH, cụ thể:

- 925 sinh viên làm niên luận môn học.
- 370 sinh viên làm khoá luận tốt nghiệp.
- 178 sinh viên làm đề tài NCKH các cấp.
- 28 sinh viên được giải cấp Trường, cụ thể : 12 giải nhất (400.000d/1 giải); 12 giải nhì (300.000d/1 giải); 4 giải ba (200.000d/1 giải).

- Ngoài ra, còn có 26 sinh viên được giải SVNCKH cấp khoa, 69 SV được giải khuyến khích cấp khoa.

1.3.5. Về công bố kết quả NCKH và xuất bản tập san Ngoại ngữ trong trường

Trong năm học 1999-2000 cán bộ giảng dạy và NC của trường đã công bố được 216 bài báo ở các kỷ yếu, các tạp chí khoa học trong và ngoài trường, trong đó có 60 bài trong Nội san ngoại ngữ ở các số 4, 5, 6 và 1 đặc san năm 1999 và các số 1,2,3 và số 1 đặc san năm 2000. Nội san Ngoại ngữ hoạt động đều đặn, hai tháng 1 số, ngày càng phát huy vai trò là nơi công bố có chất lượng các công trình NCKH về giáo dục ngoại ngữ của CBGD, NC trong và ngoài trường.

1.3.6. Về công tác quản lý kinh phí NCKH

Kinh phí NCKH (bao gồm kinh phí trong và ngoài ngân sách) được quản lý theo một qui trình chặt chẽ, có kế hoạch nhằm đảm bảo nguyên tắc: Kinh phí nhà nước và nhà trường hỗ trợ phải đến tận tay người nghiên cứu khoa học, theo kế hoạch và mức được BGH duyệt chi, có quản lý, có kiểm tra chặt chẽ. Những đề tài NCKH được thanh toán toàn bộ kinh phí chỉ sau khi đã được Hội đồng nghiệm thu.

1.4. Một số tồn tại chính

1.4.1. Tiến độ thực hiện và hoàn thành đề tài cấp Trường và cấp trên trường còn chậm. Đề tài NCKH cấp Trường năm học 98-99 mới nghiệm thu được 25/47, đề tài cấp ĐHQG năm 1999 chưa nghiệm thu chiếm khoảng 1/2 số lượng. Tuy phòng NCKH thường xuyên đôn đốc, theo dõi nhưng một số chủ nhiệm đề tài vẫn chưa tập trung thời gian và sức lực để thực hiện đề tài đúng tiến độ.

1.4.2. Nhìn chung chất lượng một số đề tài NCKH, nhất là đề tài cấp khoa, chưa thực sự đáp ứng đúng yêu cầu của 1 đề tài cấp khoa cả về hình thức lẫn nội dung. Một số chủ nhiệm đề tài cấp khoa còn thực hiện đề tài qua loa, đại khái, không đạt yêu cầu chất lượng, số lượng.

1.4.3. Tình trạng nội dung NCKH dàn trải, chưa tập trung vào một số nội dung then chốt. Nhà trường chưa có được những đề tài trọng điểm mang tính toàn ngành và liên ngành, do vậy khó thu hút sự đầu tư kinh phí của ĐHQG.

1.4.4. Sự hợp tác nghiên cứu còn rất hạn chế. Trừ một số đề tài cấp ĐHQG có hợp tác nghiên cứu với các ngành khoa học ngoài trường, đại đa số các đề tài còn lại vẫn chưa phát huy được sự hợp tác nghiên cứu trong đơn vị, ngoài đơn vị mà đó lại là yêu cầu cần thiết của một đề tài nghiên cứu khoa học, dù ở cấp nào cũng vậy.

1.5. Những nguyên nhân chính của thành tích trong công tác NCKH của nhà trường

1.5.1. Đảng uỷ và BGH chỉ đạo thường xuyên, sâu sát công tác nghiên cứu khoa học của trường, chủ trương hỗ trợ tối đa về tinh thần và vật chất cho công tác này.

1.5.2. Quy trình quản lý NCKH của nhà trường cụ thể, chặt chẽ hơn và có những điều chỉnh phù hợp với thực tế, do đó khuyến khích được cán bộ tham gia NCKH nhiều hơn.

1.5.3. Phòng Quản lý NCKH đã và đang tích cực, chủ động sáng tạo trong quản lý, có nhiều sáng kiến tốt trong khâu quản lý NCKH cả về chất lượng công trình cũng như về kinh phí, không để kinh phí tổn động và đã đi sâu vào quản lý theo những đầu việc cụ thể, theo nguyên tắc có thực làm mới có thực chi.

1.5.4. Công tác NCKH trong năm học được các đơn vị triển khai có kế hoạch ngay từ đầu năm, lãnh đạo các đơn vị đều có nhận thức cao đối với vai trò của công tác NCKH và có trách nhiệm cao trong công tác quản lý NCKH ở đơn vị.

1.5.5. Đại đa số CBGD, CBNC trong trường đều có ý thức cao hơn đối với nhiệm vụ chính trị NCKH. Chính ý thức này đã là một động lực lớn góp phần thúc đẩy "cỗ máy xe tăng NCKH" trước kia hoạt động tích cực hơn, có hiệu quả hơn.

1.6. Một vài nguyên nhân chính của những tồn tại

1.6.1. Sự quá tải về giảng dạy và sự hấp dẫn của dạy thêm ở các hệ đào tạo cũng như của các hợp đồng làm ngoài đã ảnh hưởng lớn đến công tác NCKH của nhà trường.

Tuy nhà trường đã hỗ trợ kinh phí NCKH với mức tương đối cao so với tổng thu nhập của nhà trường, thu nhập do việc dạy thêm và làm ngoài giờ vẫn là một lực hút rất lớn.

1.6.2. Nhìn chung, ở phần lớn các đơn vị, việc triển khai kế hoạch do nhà trường đề ra từ đầu năm chưa đúng tiến độ và nội dung yêu cầu đề ra, do vậy việc thực hiện các kế hoạch bị chậm lại, gây khó khăn trong công tác quản lý.

1.6.3. Dù năm học này kinh phí ngân sách cấp cho NCKH có tăng nhưng so với yêu cầu thực tế thì vẫn còn quá thấp. Giả thử nếu nhà trường không cấp thêm một khoản kinh phí từ 300 - 400 triệu đồng thì hoạt động NCKH của nhà trường hẳn sẽ không thể đảm bảo được chất lượng và quy mô phong trào như hiện nay.

1.7. Đánh giá chung

Tuy vẫn còn một số tồn tại trong công tác NCKH như đã nêu ở trên nhưng hoàn toàn có cơ sở để khẳng định rằng trong năm học 1999-2000 công tác NCKH của nhà trường đã có một bước tiến mới so với các năm trước ở tất cả các mặt sau như: 1. Sự chỉ đạo của Đảng uỷ, BGH; 2. Quy trình quản lý; 3. Hiệu quả quản lý của phòng NCKH; 4. Số lượng người tham gia, số lượng công trình, đề tài, hội nghị, hội thảo các cấp; 5. Chất lượng các công trình NCKH; 6. Nhận thức của đội ngũ CBGD, CBNC của nhà trường. Những thành tích đã nêu ở trên cho phép khẳng định: Công tác NCKH của nhà trường trong những năm gần đây ngày càng khởi sắc và tạo ra được một tinh thần mới, một khí thế NCKH mới trong toàn trường.

2. Phương hướng, nhiệm vụ công tác NCKH năm học 2000-2001

2.1. Các phương hướng chính

2.1.1. Tiếp tục đổi mới hơn nữa công tác NCKH vừa đảm bảo tính phong trào vừa chú trọng đến chất lượng của các sản phẩm nhằm góp phần nâng cao trình độ chuyên môn của đội ngũ giảng dạy, cán bộ nghiên cứu của nhà trường, thực hiện mục tiêu đưa trường ĐHNN-ĐHQG Hà Nội thành một trường ĐHNN đầu ngành trong cả nước.

2.1.2. Hướng mũi nhọn hoạt động NCKH vào các nội dung khoa học sư phạm ngoại ngữ, ưu tiên đặc biệt vào nghiên cứu đổi mới phương pháp giảng dạy các bộ môn trong chương trình đào tạo cử nhân ngoại ngữ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, đồng thời tiếp tục khuyến khích hướng NCKH cơ bản và NC triển khai.

2.1.3. Tiếp tục từng bước hoàn thiện các khâu quản lý NCKH của nhà trường. Tiếp tục đẩy mạnh hợp tác NCKH với các đơn vị ngoài trường, giữa các đơn vị trong trường và giữa các cá nhân trong một đơn vị.

2.2. Nhiệm vụ cụ thể

2.2.1. Phân đấu quản lý đề tài NCKH các cấp chặt chẽ hơn, cụ thể ở các khâu tổ chức đăng ký, triển khai và nghiệm thu đúng hạn.

2.2.2. Tổ chức có chất lượng các hội thảo khoa học cấp Trường mang tính chuyên đề hẹp, duy trì các hoạt động hội thảo, hội nghị khoa học các cấp, tăng cường phối hợp, đăng cai và chủ trì các hội thảo khoa học cấp ngành, quốc gia, phấn đấu tiến tới tổ chức 1 hội thảo khoa học quốc tế.

2.2.3. Tiếp tục gắn kết công tác NCKH với công tác đào tạo và bồi dưỡng cán bộ, giáo viên ngoại ngữ, chủ yếu là ở bậc đào tạo sau đại học.

2.2.4. Duy trì và phát triển phong trào NCKH trong sinh viên, tăng số lượng công trình NCSV đạt giải thưởng các cấp, đặc biệt là cấp Bộ.

2.3. Những giải pháp thực hiện công tác NCKH

2.3.1. Tiếp tục quán triệt sâu sắc đến mọi cán bộ về vị trí và vai trò của công tác NCKH đối với sự nghiệp đào tạo cán bộ, giáo viên ngoại ngữ chất lượng cao.

2.3.2. Tiếp tục điều chỉnh, bổ sung các văn bản qui định về công tác NCKH của cán bộ sao cho cụ thể và phù hợp với thực tế.

2.3.3. Trước 30/6 hàng năm, các đơn vị lên kế hoạch NCKH cho cả năm học để nhà trường kịp thời xét duyệt trình cấp trên. Nếu đơn vị nào không nộp đúng hạn xem như đơn vị đó không có kế hoạch NCKH trong năm học tới.

2.3.4. Tăng nguồn kinh phí một cách hợp lý cho các đề tài có nhiều ý nghĩa và có chất lượng, tập trung đầu tư kinh phí năng cao các đề tài NCKHSV có đầu tư giáo viên giỏi hướng dẫn để phấn đấu đạt nhiều giải thưởng cấp Bộ.

2.3.5. Trong năm học tới nhà trường chủ trương giao mảng đề tài cấp khoa cho khoa quản lý, nghiêm thu theo đúng qui định chung của ĐHQG và của Trường - nhà trường có trách nhiệm kiểm tra qui trình và chất lượng.

2.3.6. Không hạn chế về số lượng đề tài các cấp, song do nguồn kinh phí được chi có hạn nên những đề tài được đánh giá có chất lượng hơn sẽ được đưa vào kế hoạch năm học, những đề tài còn lại sau khi được sửa chữa bổ sung sẽ được đưa vào kế hoạch năm học sau.

2.3.7. Tạo mọi điều kiện có thể có để tăng cường liên kết hợp tác NCKH với các đơn vị ngoài trường.

2.3.8. Thực hiện đúng chế độ giờ chuẩn khoa học qui định cho từng chức danh cán bộ, có chế độ khen thưởng cụ thể đối với những cán bộ vượt giờ NCKH.

Trên tinh thần phát huy những thành tích to lớn đã đạt được, khắc phục những tồn tại trong công tác NCKH đã nêu ở trên, với những phương hướng, nhiệm vụ và giải pháp cụ thể về NCKH đã đề ra nhà trường quyết tâm phấn đấu đạt những thành tích tốt đẹp hơn về công tác NCKH trong năm học mới, năm học 2000-2001, năm học chuyển giao giữa hai thiên niên kỷ đầy ý nghĩa.